

SỞ NỘI VỤ TỈNH SÓC TRĂNG

ĐẾN Số: 65C
Ngày: 15/01/2019

Số: 04 /QĐ-STNMT

Sóc Trăng, ngày 15 tháng 01 năm 2019

Chuyển:..... Về việc giao chỉ tiêu biên chế công chức, số lượng người làm việc
Lưu hồ sơ số:..... và hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP năm 2019 cho các phòng, đơn vị
thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng

QUYẾT ĐỊNH

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức và Thông tư số 07/2010/TT-BNV ngày 26/7/2010 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số điều của Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 41/2012/NĐ-CP, ngày 08/5/2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ quy định về chính sách tinh giản biên chế; Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

Căn cứ Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Quyết định số 29/QĐ-UBND, ngày 07/01/2019 của UBND tỉnh Sóc Trăng về giao biên chế công chức, phân bổ số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập và hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ, tỉnh Sóc Trăng năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 30/2015/QĐ-UBND ngày 21/8/2015 của UBND tỉnh Sóc Trăng ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Sở,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu biên chế công chức, số lượng người làm việc và hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính Phủ năm 2019 cho các phòng, đơn vị thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng (Kèm theo Phụ lục chi tiết).

Điều 2.

1. Thủ trưởng các phòng, đơn vị thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Triển khai thực hiện nghiêm Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Quyết định số 2218/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW; Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 06/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện chủ trương tinh giản biên chế.

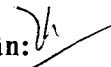
b) Quản lý, sử dụng biên chế và thực hiện chế độ báo thống kê về tình hình thực hiện biên chế theo quy định gửi về Sở (thông qua Văn phòng Sở) để tổng hợp báo cáo về Sở Nội vụ.

2. Chánh Văn phòng Sở có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện và quản lý, sử dụng biên chế của các đơn vị trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng.

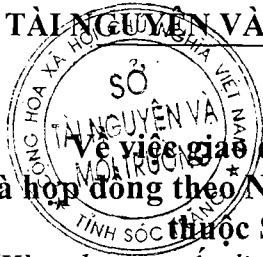
b) Thực hiện chế độ tổng hợp và xây dựng báo cáo thống kê về tình hình thực hiện biên chế theo hướng dẫn của Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Thủ trưởng các phòng, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng căn cứ quyết định thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- Sở Nội vụ (để theo dõi);
- Lưu VT, VP.





PHỤ LỤC

Chỉ tiêu biên chế công chức, số lượng người làm việc và hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP năm 2019 cho các phòng, đơn vị thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng
(Kèm theo quyết định số: 04 /QĐ-STNMT ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng)

Số TT	Tên đơn vị	Biên chế công chức/số lượng người làm việc	Hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP	Ghi chú
I	Khối hành chính	64	11	
1	Lãnh đạo Sở	4		
2	Các đơn vị hành chính thuộc Sở	29	06	
2.1	Văn phòng Sở	06	06	
2.2	Thanh tra Sở	08		
2.3	Phòng Kế hoạch Tài chính	05		
2.4	Phòng Pháp chế	02		
2.5	Phòng Đo đạc Bản đồ và Viễn thám	02		
2.6	Phòng Tài nguyên Nước, Khoáng sản và Khí tượng thủy văn.	06		
3	Các đơn vị hành chính trực thuộc Sở	31	05	
3.1	Chi cục Bảo vệ Môi trường	13	02	
3.2	Chi cục Quản lý Đất đai	14	02	
3.3	Chi cục Biển	04	01	
II	Khối sự nghiệp	129	04	
1	Văn phòng đăng ký Đất đai	119	03	
2	Trung tâm Công nghệ thông tin.	10	01	